

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2021/HC-PT

Ngày: 14 - 12 - 2021.

V/v: Khởi kiện quyết định  
hành chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Vân Hương;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 643/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “Khởi kiện quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 57/2020/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 9813/2021/QĐPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị A1, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Điều vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện** (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020): Bà Nguyễn Thị Y; Có mặt tại phiên tòa.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:** Ông Phạm Ngọc M và Lê Hoàng T, Luật sư Công ty Luật T, Đoàn luật sư tỉnh H. Có mặt luật sư T tại phiên tòa.

**2. Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

**Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:** Ông Cao T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2020) Vắng mặt, có văn bản ngày 13/12/2021 xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Luật sư Đỗ T, Đoàn luật sư tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z;

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H.

*Người đại diện theo ủy quyền* (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020): Ông Nguyễn Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z. Vắng mặt, có văn bản ngày 01/12/2021 xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần V, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Z. Vắng mặt, có đơn ngày 01/12/2021 xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z.

*Người đại diện:* Ông Hà M, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z. Vắng mặt, có văn bản ngày 02/11/2021 xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/1/2019, đơn sửa đổi bổ sung và nội dung trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị A1 và của người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có nội dung trình bày:*

Hộ gia đình ông A, bà Ân có diện tích đất nông nghiệp khai phá sử dụng từ năm 2006, chưa được cấp GCNQSD đất và đang sử dụng trồng lúa thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Cảng hàng không H đã được Ủy ban nhân dân tỉnh H (Sau đây viết tắt là UBND tỉnh H) phê duyệt năm 2012.

Ngày 05/4/2017, Ủy ban nhân dân huyện Z (Sau đây viết tắt là UBND huyện Z) ban hành Quyết định số 1559/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất nông nghiệp do hộ gia đình ông Nguyễn Văn A quản lý” (sau đây viết tắt là Quyết định 1559/QĐ-UBND) và Quyết định số 1560/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn A, trú tại thôn X, xã Y, huyện Z” (sau đây viết tắt là Quyết định 1560/QĐ-UBND). Theo các Quyết định này thì hộ gia đình bị thu hồi 3 thửa đất tổng diện tích 1.361,8m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, đều không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ, với lý do thửa đất số 31, 42 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 2 mới khai hoang, cải tạo từ năm 2006; thửa đất số 47 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 2 mới khai hoang, cải tạo từ năm 2014.

Ông A, bà Vân khiếu nại cho rằng hộ gia đình đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất thu hồi. Tại buổi đối thoại ngày 21/6/2017, UBND xã Y đã đình chỉ lại thời điểm gia đình ông sử dụng thửa đất số 47 tờ Bản đồ giải phóng mặt bằng số 2, là năm 2006. Ngày 12/4/2017, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 25/QĐ-CT. Ngày 04/7/2017, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 3200/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A, trú tại thôn X, xã Y, huyện Z” (sau đây viết tắt là Quyết định số 3200/QĐ-

UBND), không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn A đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích 1361,8m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.

Ông Nguyễn Văn A tiếp tục khiếu nại lần 2. Ngày 18/9/2018, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 3678/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A, trú tại thôn X, xã Y, huyện Z (lần hai) (sau đây viết tắt là Quyết định số 3678/QĐ-UBND), không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn A.

Ông Nguyễn Văn A và bà Đặng Thị A1 yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3678/QĐ-UBND với lý do:

Thứ nhất, gia đình ông sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 32 Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì ba thửa đất nông nghiệp có được từ chính công sức lao động của gia đình ông. Điều này được chính quyền địa phương công nhận bằng việc ghi nhận diện tích đất 1361,8m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của gia đình ông trong sổ địa chính có số thửa đất (31,42,47) tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 2.

Thứ hai, diện tích đất nông nghiệp thuộc quản lý sử dụng của gia đình ông đủ điều kiện được nhà nước cấp giấy CNQSDĐ và bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật vào thời điểm năm 2012. Gia đình ông khai hoang, trực tiếp sản xuất từ năm 2006. Tại hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Y và biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất GPMB (theo hiện trạng sử dụng đất) đã ghi nhận ông là chủ sử dụng hợp pháp của 3 thửa đất nông nghiệp này. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003 thì kể từ thời điểm nhà nước có phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ năm 2012, gia đình ông đủ điều kiện được cấp Giấy CNQSDĐ. Sau thời điểm có thông báo thu hồi đất, Nhà nước không cấp giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất thuộc diện bị thu hồi nhưng đã công nhận quyền sử dụng đất này.

Thứ ba, UBND huyện Z cố ý áp dụng sai điều luật gây bất lợi cho hộ gia đình ông. Trường hợp của gia đình ông được hiểu chính xác là: “Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất” (hộ gia đình ông không thuộc trường hợp “vi phạm pháp luật về đất đai”; 03 thửa đất của hộ gia đình ông đã bị thu hồi “đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” nhưng không được cấp do “đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”).

*Chủ tịch UBND tỉnh H, Chủ tịch UBND huyện Z cùng có quan điểm trình bày về yêu cầu của người khởi kiện như sau:*

- Hộ ông Nguyễn Văn A có 13 thửa đất tổng diện tích đất nông nghiệp là: 4116m<sup>2</sup>, đã được UBND huyện Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H003344 ngày 20/12/1995.

- Đối với các thửa đất thu hồi GPMB dự án cảng hàng không: Theo Bản chứng nhận nhà đất do UBND xã Y lập và hồ sơ giải quyết khiếu nại, thể hiện: Gia đình ông Nguyễn Văn A quản lý 03 thửa đất nông nghiệp số 31, 42, 47 tờ Bản

đồ giải phóng mặt bằng số 02, trong đó: Thửa đất số 31 có diện tích: 237,4m<sup>2</sup>; thửa số 42 có diện tích 180,3m<sup>2</sup> tương ứng với thửa số 50 tờ bản đồ giải thửa số II, thửa đất số 47 diện tích 944,1m<sup>2</sup> tương ứng với thửa đất số 1045 tờ bản đồ giải thửa số II. Các thửa đất số 31,42,47 được xác định bỏ trống, không ai canh tác cho đến năm 2006 gia đình ông A tự cải tạo sử dụng vào mục đích cây lúa.

Căn cứ Khoản 2 Điều 101, Khoản 2 Điều 77, Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013, hộ gia đình ông Nguyễn Văn A quản lý, sử dụng sau thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2004, nên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, xem xét hộ gia đình ông A trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên UBND tỉnh H đã vận dụng quy định tại Điều 25 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và có văn bản đề UBND huyện Z hỗ trợ cho hộ gia đình chi phí đầu tư vào đất bằng 30% giá trị đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, với số tiền 5.764.000 đồng.

Chủ tịch UBND tỉnh H và Chủ tịch UBND huyện Z đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị A1

*Ủy ban nhân dân xã Y có quan điểm:* Gia đình ông Nguyễn Văn A gồm có 03 thửa đất trên địa bàn xã bị thu hồi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Cảng hàng không H, nguồn gốc sử dụng là đất bỏ trống không canh tác sản xuất đến năm 2006 gia đình mới tự cải tạo (khai phá lại) sử dụng vào mục đích cây lúa. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào năm 2006.

Ông Nguyễn Văn A cho rằng các thửa đất ông có tên ghi trong sổ địa chính năm 1995. Tuy nhiên qua trong sổ địa chính năm 1995 không có ghi các thửa đất này. Ủy ban nhân dân xã Y cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Trang số 27 Sổ địa chính mang tên chủ hộ gia đình: ông Nguyễn Văn A và trích lục bản đồ giải thửa thể hiện thửa đất số 47 và thửa đất số 50.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 57/2020/HC-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A và bà Đặng Thị A1 về yêu cầu hủy Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 18/09/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A trú tại: thôn X, xã Y, huyện Z (lần 2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2020, bà Nguyễn Thị Yến đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu UBND huyện Z ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường về đất nông nghiệp và hưởng các hỗ trợ đối với 1.361,8m<sup>2</sup> đất, với lý do hộ gia đình ông A sử dụng đất ổn định, liên tục từ 2006, không có tranh chấp, đã được ghi nhận trong sổ địa chính năm 2012 nên đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất và hưởng đầy đủ các quyền lợi về đất thu hồi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại với lý do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng quy định của pháp luật đất đai. Xác nhận quá trình sử dụng đất từ năm 2006 đến nay, ông A không được cấp giấy tờ gì về quyền sử dụng đất.

Luật sư Lê Hoàng T trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện với phân tích: Ông Nguyễn Văn A đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ năm 2006, đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai 2003. Thực tế hộ ông A đã đứng tên trong hồ sơ địa chính (cụ thể là bản đồ địa chính) và Dự án đã được phê duyệt tổng thể từ năm 2012, nên UBND huyện Z căn cứ quy định Luật đất đai năm 2013 để không công nhận hộ gia đình ông A được quyền sử dụng đất hợp pháp và không phê duyệt phương án bồi thường về đất và cho hộ gia đình ông A được hưởng các hỗ trợ đối với đất nông nghiệp, là không đúng. Bản án sơ thẩm chấp nhận ý kiến của UBND huyện Z, quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh H và xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị A1, là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Luật sư Đỗ T trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện với phân tích: Dự án từ năm 2012, nhưng đến năm 2017 Ủy ban mới có Quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường nên việc UBND tỉnh H áp dụng Luật đất đai năm 2013 là đúng. Cả 3 thửa đất gia đình ông A đều không được cấp GCNQSD đất hay đứng tên trong sổ địa chính, không có giấy tờ gì khác về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Gia đình ông A sử dụng đất từ năm 2006 nên không đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất. UBND huyện Z không bồi thường về đất là đúng quy định. Tuy không đủ điều kiện để được bồi thường về đất nhưng UBND tỉnh H đã có hỗ trợ cho hộ gia đình ông A 30% giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, là đã bảo đảm quyền lợi. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện

là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] 1. Về thủ tục tố tụng:

[2] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 18/09/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H là đúng quy định khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Bản án sơ thẩm có đánh giá về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, về hình thức quyết định hành chính bị kiện và quyết định có liên quan đã theo đúng quy định.

[4] Kháng cáo ngày 14/10/2020 của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện hợp lệ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 206, và khoản 2 Điều 209 Luật tổ tụng hành chính, được chấp nhận xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[5] 2. Về nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

[6] Ông Nguyễn Văn A và đại diện theo ủy quyền đều xác nhận thời điểm ông vào khai hoang cải tạo đất trồng lúa là từ năm 2006 do đất bỏ không ai canh tác; xác nhận 3 thửa đất này ông A chưa có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Theo sổ địa chính năm 1995 (UBND xã Y cung cấp), trang 27 có tên chủ hộ gia đình là ông Nguyễn Văn A có 13 thửa đất nông nghiệp, và cung cấp trích lục bản đồ giải thửa thửa đất số 47 và 50.

[7] Bản đồ giải phóng mặt bằng đo đạc phục vụ dự án Cảng hàng không năm 2012 thể hiện ông A sử dụng 3 thửa đất số 31, 42, 47, nguồn gốc đất ông A mới sử dụng từ năm 2006. Hộ gia đình không có bất cứ giấy tờ gì về quyền sử dụng đất mà chỉ sử dụng từ 2006.

[8] Trong khi đó, quy định của Luật đất đai năm 2013 về cấp GCNQSD đất và bồi thường đối với đất nông nghiệp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất như sau: Khoản 2, Điều 101 của Luật Đất đai 2013 quy định về cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, có quy định như sau:... “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy*

*tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”... Khoản 4, Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường có quy định các trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định của luật này thì không được nhà nước bồi thường về đất trừ trường hợp tại Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013 (Tại Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai quy định: “2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này.”).*

[9] Ông A không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất, không đủ điều kiện hưởng bồi thường, hỗ trợ về đất. Do vậy, UBND huyện Z xác định hộ gia đình ông Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị A1 quản lý, sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp số 31, 42, 47 có tổng diện tích là 1361,8m<sup>2</sup> là sau thời điểm ngày 01/7/2004, không bồi thường về đất cho hộ gia đình là có cơ sở. Chủ tịch UBND tỉnh H giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của hộ gia đình ông A là phù hợp nên Tòa án nhân dân tỉnh H đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Y là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ gì chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình ông A đối với các thửa đất bị thu hồi. Bà Yến cho rằng áp dụng các quy định của Luật đất đai 2003 và hướng dẫn thi hành thì đất của gia đình ông A đã được công nhận quyền sử dụng đất bằng việc đã đứng tên trong Bản đồ địa chính năm 2012. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo quy định Luật đất đai 2003 (Thông tư 09/2007) thì bản đồ địa chính và sổ địa chính là một trong những thành phần của hồ sơ địa chính nhưng chỉ sổ địa chính mới là giấy tờ về quyền sử dụng đất. Trường hợp ông A sử dụng 3 thửa đất năm 2006, chưa có tên trong sổ địa chính, mới chỉ được đo đạc ghi tên sử dụng tại bản đồ phục vụ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất dự án.

[11] 3. Ông Nguyễn Văn A không đủ điều kiện được bồi thường về đất nhưng UBND huyện Z đã vận dụng Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, hỗ trợ cho hộ gia đình chi phí đầu tư vào đất (bằng 30% giá trị đất nông nghiệp trồng cây hàng năm) với số tiền 5.764.000 đồng.

[12] 4. Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2019/0002260 ngày 26/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Phan Thị Vân Hương**